

Số: 105/BC-THCSCT

Chà Tỏ, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024 - 2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường PTDTBT THCS Chà Tỏ

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Bản Nà Pầu, xã Chà Tỏ, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0828 330 999
- Trang thông tin điện tử: <https://thcschato.nampo.edu.vn/>

3. Loại hình: Công lập

- Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục:

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn:

Trường PTDTBT THCS Chà Tỏ là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2025, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

1.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

1.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%

1.3. Chất lượng học sinh:

- Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 98%;
- Tỷ lệ học sinh 11 - 14 tuổi học THCS đạt 99,7%;
- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%.

1.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường THCS Chà Tở được nâng cấp từ trường Tiểu học Chà Tở theo quyết định số 912/QĐ-UB ngày 25/9/2002 của UBND huyện Mường Lay. Tháng 7 năm 2012 trường được đổi tên thành trường PTDTBT THCS Chà Tở theo QĐ số 932a/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 7 năm 2012 của UBND huyện Mường Chà. Ban đầu mới thành lập trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất cũng như về đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên. Song tập thể cán bộ giáo viên, công nhân viên và học sinh nhà trường đã nỗ lực vượt lên khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Tập thể trường PTDTBT THCS Chà Tở liên tục được Chủ tịch UBND huyện Nậm Pồ công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” và tặng Giấy khen năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023, 2023-2024, 2024-2025. Được chủ tịch tỉnh Điện Biên công nhận danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và tặng bằng khen năm học 2021-2022, 2022-2023, 2024-2025. Hằng năm có trên 95% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và 20% cá nhân được Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen, 15% cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Bùi Xuân Hưng
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường PTDTBT THCS Chà Tở, xã Chà Tở, huyện Nậm Pồ, Tỉnh Điện Biên.
- Điện thoại: 0828 330 999
- Gmail: buixuanhung1980@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

- Quyết định số 912/QĐ-UB ngày 25 tháng 9 năm 2002 của UBND huyện Mường Lay. Quyết định về việc chia tách, thành lập và nâng cấp trường học.
- Quyết định số 932a/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 7 năm 2012 của UBND huyện Mường Chà về việc thành lập trường PTDTBT THCS Chà Tở.

b. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Bùi Xuân Hưng
- + Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND huyện Nậm Pồ, Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.
- + Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Chà Tở, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.
- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 1: Lò Văn Liên
- + Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;
- + Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Chà Tở, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.
- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng 2: Cầm Văn Ôn
- + Quyết định số 1261/QĐ-UBND ngày 29/4/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ về việc bổ nhiệm lại viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý
- + Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 30/7/2025 của UBND xã Chà Tở, Quyết định về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

c. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

- + Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- + Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.
- + Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.
- + Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp

tinh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

+ Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

+ Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

+ Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

+ Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

+ Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

*** Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục**

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 20 đảng viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 292 đội viên.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 02 tổ chuyên môn, 01 tổ Văn phòng và 01 tổ quản trũ.

đ. Quyết định số 932a/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 7 năm 2012 của UBND huyện Mường Chà, về việc đổi tên trường PTDTBT THCS Chà Tở.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Bùi Xuân Hưng	Hiệu trưởng	0828330999	buixuanhung1980@gmail.com
2	Lò Văn Liên	Phó hiệu trưởng	0969537389	lienthcsnamkhan@gmail.com
3	Cầm Văn Ôn	Phó hiệu trưởng	0978026116	camvanon.thcschato@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.

- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo: Tổng số 25 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Hiệu phó	02	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên THCS hạng II	9	
2	Giáo viên THCS hạng III	8	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thiết bị	1	
2	Vị trí việc làm Thư viện	1	
3	Vị trí việc làm Y tế trường học	1	
4	Vị trí việc làm Kế toán	1	
5	Vị trí việc làm Văn thư	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	Hợp đồng
2	Nhân viên phục vụ	3	Hợp đồng

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có diện tích là 10083 m²/292 học sinh, trung bình đạt 34,5m²/học sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

- CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

- Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng KHTN, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Đảng và các đoàn thể; các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, cơ bản đều đảm bảo. Phòng Tin học có tổng số 18 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

- Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

- Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, nhân viên và học sinh.

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

- Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ

chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

- Hằng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu, đề xuất với các cấp lãnh đạo, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

- Sách Pháp luật gồm: có 125 đầu sách, 278 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

- Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 450 quyển.

- Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đối với nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

* Đánh giá theo từng tiêu chí

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	x

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	-
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	-	-
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	-
Tiêu chí 1.8		X	X	-
Tiêu chí 1.9		X	X	-
Tiêu chí 1.10		X	X	-
Tiêu chuẩn 2		X	X	X
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3		X	X	X
Tiêu chí 3.1		X	-	-
Tiêu chí 3.2		X	X	-
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-
Tiêu chí 3.5		X	X	-
Tiêu chí 3.6		X	X	-
Tiêu chuẩn 4		X	X	X
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5		X	X	X
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		-	X	-

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.4		-	x	-
Tiêu chí 5.5		-	x	x
Tiêu chí 5.6		x	x	-

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2024 – 2025 nhà trường có tổng số 292 học sinh, số học sinh nữ là 126 em chiếm 43,2%. Có 08 lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 36,5 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số chiếm 99,3% số học sinh toàn trường. Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 292/292 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường không có học sinh khuyết tật.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN
CẢ NĂM - NĂM HỌC: 2024-2025

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập						Rèn luyện						Khen thưởng cuối năm							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			20	6.85	80	27.4	183	62.7	9	3.08	186	63.7	93	31.9	13	4.45	0	0	0	0	20	6.85
1	Khối 6	74	6	8.11	20	27	46	62.2	2	2.7	49	66.2	22	29.7	3	4.05	0	0	0	0	6	8.11
1.1	6A1	37	6	16.22	15	40.54	16	43.24	0	0	30	81.08	5	13.51	2	5.41	0	0	0	0	6	16.22
1.2	6A2	37	0	0	5	13.51	30	81.08	2	5.41	19	51.35	17	45.95	1	2.7	0	0	0	0	0	0
2	Khối 7	83	6	7.23	21	25.3	52	62.7	4	4.82	59	71.1	19	22.9	5	6.02	0	0	0	0	6	7.23
2.1	7A1	42	6	14.29	16	38.1	19	45.24	1	2.38	36	85.71	5	11.9	1	2.38	0	0	0	0	6	14.29
2.2	7A2	41	0	0	5	12.2	33	80.49	3	7.32	23	56.1	14	34.15	4	9.76	0	0	0	0	0	0
3	Khối 8	71	4	5.63	22	31	42	59.2	3	4.23	47	66.2	21	29.6	3	4.23	0	0	0	0	4	5.63
3.1	8A1	36	4	11.11	15	41.67	17	47.22	0	0	30	83.33	6	16.67	0	0	0	0	0	0	4	11.11
3.2	8A2	35	0	0	7	20	25	71.43	3	8.57	17	48.57	15	42.86	3	8.57	0	0	0	0	0	0
4	Khối 9	64	4	6.25	17	26.6	43	67.2	0	0	31	48.4	31	48.4	2	3.13	0	0	0	0	4	6.25
4.1	9A1	32	4	12.5	11	34.38	17	53.13	0	0	23	71.88	9	28.13	0	0	0	0	0	0	4	12.5
4.2	9A2	32	0	0	6	18.75	26	81.25	0	0	8	25	22	68.75	2	6.25	0	0	0	0	0	0

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH NỮ
CÁ NĂM - NĂM HỌC: 2024-2025

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập						Rèn luyện						Khen thưởng cuối năm							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			125	14	11.2	58	46.4	53	42.4	0	0	110	88	15	12	0	0	0	0	14	11.2	
1	Khối 6	30	2	6.67	17	56.7	11	36.7	0	0	25	83.3	5	16.7	0	0	0	0	2	6.67		
1.1	6A1	18	2	11.11	14	77.78	2	11.11	0	0	18	100	0	0	0	0	0	0	2	11.11		
1.2	6A2	12	0	0	3	25	9	75	0	0	7	58.33	5	41.67	0	0	0	0	0	0		
2	Khối 7	31	5	16.1	14	45.2	12	38.7	0	0	30	96.8	1	3.23	0	0	0	0	5	16.1		
2.1	7A1	21	5	23.81	11	52.38	5	23.81	0	0	20	95.24	1	4.76	0	0	0	0	5	23.81		
2.2	7A2	10	0	0	3	30	7	70	0	0	10	100	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Khối 8	33	4	12.1	14	42.4	15	45.5	0	0	32	97	1	3.03	0	0	0	0	4	12.1		
3.1	8A1	20	4	20	11	55	5	25	0	0	20	100	0	0	0	0	0	0	4	20		
3.2	8A2	13	0	0	3	23.08	10	76.92	0	0	12	92.31	1	7.69	0	0	0	0	0	0		
4	Khối 9	31	3	9.68	13	41.9	15	48.4	0	0	23	74.2	8	25.8	0	0	0	0	3	9.68		
4.1	9A1	17	3	17.65	9	52.94	5	29.41	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	3	17.65		
4.2	9A2	14	0	0	4	28.57	10	71.43	0	0	6	42.86	8	57.14	0	0	0	0	0	0		

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP, RÈN LUYỆN HỌC SINH NỮ DÂN TỘC
CẢ NĂM - NĂM HỌC: 2024-2025

STT	Lớp	Tổng số HS (*)	Học tập						Rèn luyện						Khen thưởng cuối năm							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt		Học sinh Xuất sắc		Học sinh Giỏi	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			14	11.2	58	46.4	53	42.4	0	0	110	88	15	12	0	0	0	0	14	11.2		
1	Khối 6	30	2	6.67	17	56.7	11	36.7	0	0	25	83.3	5	16.7	0	0	0	0	2	6.67		
1.1	6A1	18	2	11.11	14	77.78	2	11.11	0	0	18	100	0	0	0	0	0	0	2	11.11		
1.2	6A2	12	0	0	3	25	9	75	0	0	7	58.33	5	41.67	0	0	0	0	2			
2	Khối 7	31	5	16.1	14	45.2	12	38.7	0	0	30	96.8	1	3.23	0	0	0	0	5	16.1		
2.1	7A1	21	5	23.81	11	52.38	5	23.81	0	0	20	95.24	1	4.76	0	0	0	0	5	23.81		
2.2	7A2	10	0	0	3	30	7	70	0	0	10	100	0	0	0	0	0	0	5			
3	Khối 8	33	4	12.1	14	42.4	15	45.5	0	0	32	97	1	3.03	0	0	0	0	4	12.1		
3.1	8A1	20	4	20	11	55	5	25	0	0	20	100	0	0	0	0	0	4	20			
3.2	8A2	13	0	0	3	23.08	10	76.92	0	0	12	92.31	1	7.69	0	0	0	0	0			
4	Khối 9	31	3	9.68	13	41.9	15	48.4	0	0	23	74.2	8	25.8	0	0	0	0	3	9.68		
4.1	9A1	17	3	17.65	9	52.94	5	29.41	0	0	17	100	0	0	0	0	0	3	17.65			
4.2	9A2	14	0	0	4	28.57	10	71.43	0	0	6	42.86	8	57.14	0	0	0	0	0			

Khen thưởng thi các môn văn hóa:

- Cấp trường: 11 giải trong đó: 01 giải Nhất; 04 giải Ba; 06 giải khuyến khích.

- Cấp huyện: 05 giải, trong đó: 01 giải Nhì, 01 giải Ba, 03 giải khuyến khích.

Khen thưởng Cuộc thi khoa học kỹ thuật:

- Vòng huyện: 01 Giải khuyến khích

- Phong trào hoạt động của đội TNTPHCM tổ chức nhiều các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ, tham gia nhiều các cuộc thi: 48 bài viết thư quốc tế UPU.

c) Số lượng học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS: 64/64 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách năm 2024:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 1.289.480 đồng;

- Dự toán được giao trong năm: 9.934.482.000 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 7.061.455.000 đồng

+ Dự toán bổ sung trong năm: 2.873.027.000 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm 2024: 9.935.771.480 đồng

- Kinh phí quyết toán: 9.918.557.386 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 4.762.000 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

- Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

- Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- HS vẽ tranh chủ đề: “Vẽ tranh của thiếu niên, nhi đồng về Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên Phủ hôm nay”, ...

- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông” .

- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.

- HS tích cực tham gia viết thư UPU lần thứ 54, toàn trường chọn gửi 48 bức thư về BTC.

- Khuyến khích học sinh viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.

- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.

- Thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện, phong trào ủng hộ.

+ 100% CB, GV, NV tham gia ủng hộ các loại quỹ do ngành và địa phương phát động.

- Nhà trường tổ chức Trung thu, tặng quà HS HCKK của trường các ngày Lễ, Tết.
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.
- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy học và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.
- Phụ huynh các lớp tích cực trong công tác xã hội hóa giáo dục.

5. Công tác bán trú và chăm sóc sức khỏe học sinh:

- Thực hiện tốt nề nếp bán trú, đảm bảo chế độ ăn hợp lý, phong phú, VSAT thực phẩm; hàng tuần công khai thực đơn và định lượng bữa ăn của HS trên bảng công khai.
- Đại diện PHHS các lớp cùng BGH, các đoàn thể, y tế, thanh tra tham gia giám sát thực phẩm hàng ngày.
- Quan tâm sức khỏe HS; đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, theo dõi dịch bệnh trong HS.

6. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.
- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.
- Chi bộ trường có 20 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ. 01 đảng viên tham gia học lớp đảng viên mới.

7. Đầu tư cơ sở vật chất:

Năm học 2024-2025 nhà trường đã được đầu tư với kinh phí: 995.151.240 đồng. Trong đó:

- Lát gạch sân trường với kinh phí: 277.728.240 đồng
- Được đầu tư mua sắm thiết bị và đồ dùng dạy học trị giá: 717.423.000 đồng.

8. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra hoạt động sư phạm của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.
- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Quản lý CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.
- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL Ngành đảm bảo tiến độ.
- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.
- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.
- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.
- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên 6 tháng đầu năm, năm học 2024-2025 của trường PTDTBT THCS Chà Tở theo mẫu 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

Phòng GDĐT (b/c);

Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Xuân Hưng

Số: 106 /KH-THCSCT

Chà Tỏ, ngày 28 tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH
Thực hiện công khai năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Báo cáo số /BC-THCSCT ngày 26/6/2025 của trường PTDTBT THCS Chà Tỏ về Báo cáo thường niên năm học 2024-2025;

Trường PTDTBT THCS Chà Tỏ xây dựng Kế hoạch thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2025-2026 theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT như sau:

I. MỤC ĐÍCH

Minh bạch các thông tin có liên quan của nhà trường để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh học sinh và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của nhà trường.

Công khai về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về CSVC, về thu chi tài chính để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh học sinh và xã hội biết, tham gia giám sát hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Điều chỉnh và tác động đến các hoạt động của nhà trường về công khai chất lượng giáo dục, điều kiện đảm bảo cho chất lượng giáo dục và thu chi tài chính để các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát, đánh giá nhà trường theo qui định của pháp luật. Qua đó góp phần nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CÔNG KHAI

1. Việc thực hiện công khai đảm bảo đúng các qui định tại Thông tư và các qui định của pháp luật liên quan.

2. Thông tin công khai đảm bảo chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, dễ tiếp cận.

Thực hiện công khai:

- Công khai về thông tin chung của nhà trường;
- Công khai thu, chi tài chính;

- Công khai Điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông;
- Công khai Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công khai về thông tin chung của nhà trường

- Tên của nhà trường;
- Địa chỉ trụ sở chính và các điểm trường khác của nhà trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử của trường;
- Loại hình của nhà trường;
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường;
- Tóm tắt và hình thành, phát triển của nhà trường;
- Thông tin người đại diện pháp luật;
- Tổ chức bộ máy của nhà trường;
- Các văn bản khác của nhà trường.

2. Công khai thu chi tài chính

Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo qui định của pháp luật.

a. Các khoản thu: Các khoản đóng góp trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học trước khi tuyển sinh. Kinh phí tài trợ và hoạt động bên ngoài (nếu có), nguồn thu khác.

b. Các khoản chi:

- Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

c. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

d. Số dư các quỹ theo qui định.

3. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

- a. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên;
- b. Thông tin về CSVC và tài liệu học tập sử dụng chung;
- c. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục;

4. Công khai về kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

- Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục năm học;
- Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

III. CÁCH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Cách thức công khai

- Công khai trên cổng thông tin của nhà trường.
 - Các nội dung công khai đối với các hoạt động của trường.
 - Báo cáo thường niên để cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của trường tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm bằng Phụ lục I của Thông tư.
 - Bố trí nội dung công khai trên cổng thông tin điện tử của trường đảm bảo thuận lợi cho việc truy cập và tiếp cận thông tin.
- Phổ biến nội dung công khai vào đầu năm học mới.
- Các hình thức công khai theo qui định của pháp luật.

2. Thời gian công khai

2.1. Thời điểm công khai của nhà trường:

- Công bố công khai các nội dung theo qui định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT trước 30 tháng 6 hàng năm.
- Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề theo qui định tại điểm b, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan tới báo cáo tài chính năm trước thì phải cập nhật đến hết thời gian quyết toán.

2.2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử của trường: Tối thiểu là 5 năm từ ngày công bố công khai.

2.3. Ngoài thực hiện công khai theo qui định tại khoản 1, 2 Điều 15 của Thông tư nhà trường công khai theo qui định của pháp luật hiện hành có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường

- Tổ chức triển khai Quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đến Hội đồng trường, phụ huynh học sinh và toàn thể CB-GV-NV và người lao động trong toàn trường.

- Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai, phân công trách nhiệm phụ trách đối với các thành viên.

- Xây dựng quy chế với các nội dung, thời gian và hình thức công khai của đơn vị theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Căn cứ thực tế của đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể của năm học 2025-2026.

- Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của xã Chà Tở; báo cáo kịp thời về sở GDĐT.

2. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai

- Ban Chỉ đạo của Trường do Hiệu trưởng làm Trưởng ban. Phó Hiệu trưởng là các Phó trưởng ban. Trưởng các bộ phận, bí thư chi đoàn thanh niên là các ủy viên của Ban chỉ đạo.

- Hiệu trưởng (Trưởng ban chỉ đạo) tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Hội đồng sư phạm nhà trường.

- Các thành viên trong ban chỉ đạo thực hiện theo sự phân công của trưởng, phó ban, căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai các biểu mẫu; báo cáo nội dung công khai: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; Công khai thu, chi tài chính theo biểu mẫu đồng thời phải bảo đảm thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh và cơ quan lãnh đạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.

- Phó ban thường trực, Phó ban giám sát, ủy viên giúp Trưởng ban thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng UBND xã Chà Tở.

3. Phân công nhiệm vụ các thành viên tham gia điều tra cung cấp số liệu, thông tin.

- a) Phó Hiệu trưởng Thực hiện nhiệm vụ được phân công của Hiệu trưởng trong việc triển khai thực hiện công tác công khai.

- b) Kế toán

- Thực hiện các công khai về tài chính, học phí và các khoản thu mà nhà trường tổ chức thu tại nhà trường. Công khai các quỹ từ ngân sách, các quỹ khác trong nhà trường.

- Công khai các khoản thu, chi hằng năm: chi lương, chi thường xuyên, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, mức thu nhập hàng tháng của viên chức, người lao động trong nhà trường.. mức thu chi thường xuyên/1HS, chi đầu tư, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị trong nhà trường.

+ Công khai các kết quả kiểm toán (nếu có).

c) Các Thành viên khác

Thực hiện theo sự phân công, chỉ đạo của Lãnh đạo nhà trường.

Trên đây là kế hoạch công khai giáo dục năm học 2025-2026 của Trường PTDTBT THCS Chà Tở. Đề nghị BGH, giáo viên, nhân viên, người lao động trong nhà trường nghiêm túc thực hiện theo Kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Các tổ CM, VP, QT;
- Lưu: VT.



Bùi Xuân Hưng

Số: 107/QĐ-THCSCT

Chà Tỏ, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai trong nhà trường
Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTBT THCS CHÀ TỎ

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện công khai trong các cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế thực hiện công khai trong nhà trường PTDTBT THCS Chà Tỏ năm học 2025-2026.

Điều 2. Quy chế này được áp dụng cho các hoạt động công khai của nhà trường theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT và Thông tư số 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

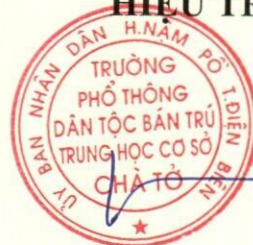
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường PTDTBT THCS Chà Tỏ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Xuân Hưng

QUY CHẾ
THỰC HIỆN CÔNG KHAI CỦA TRƯỜNG PTDTBT THCS CHÀ TỜ
(Kèm theo Quyết định số: 107/QĐ-THCSCT ngày 30/6/2025 của
Hiệu trưởng Trường PTDTBT THCS Chà Tờ)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về thực hiện công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; công khai thu chi tài chính trong Trường PTDTBT THCS Chà Tờ.
2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh Trường PTDTBT THCS Chà Tờ chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai

1. Thực hiện công khai để người học, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của Pháp luật.
2. Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

1. Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.
2. Thông tin được công khai tại nhà trường và trên trang thông tin điện tử của trường theo quy định tại Quy chế này phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

CHƯƠNG II
NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4. Nội dung công khai

1. Thông tin chung về nhà trường
 - 1.1. Tên nhà trường.
 - 1.2. Địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ thư điện tử, trang thông tin điện tử của nhà trường.
 - 1.3. Loại hình của nhà trường.
 - 1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường.
 - 1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ.

1.7. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định thành lập của nhà trường.
- Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường.
- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.
- Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường.
- Các văn bản khác: Chiến lược phát triển nhà trường; quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; quy chế chi tiêu nội bộ...

2. Thu, chi tài chính

2.1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với

bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2.2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học.

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

2.4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

2.5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

3. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục

3.1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

3.2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục

4.1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh;

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường.

4.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp THCS; số lượng học sinh trúng tuyển vào các trường THPT công lập, tư thục và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 5. Cách thức công khai

1. Công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:

a) Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục của nhà trường thực hiện vào tháng 6 hằng năm;

b) Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của nhà trường tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại phụ lục I của Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

c) Việc bố trí nội dung công khai trên cổng thông tin điện tử do nhà trường quyết định, bảo đảm thuận lợi cho việc truy cập, tiếp cận thông tin.

2. Phổ biến hoặc phát tài liệu về nội dung công khai vào đầu khóa học, năm học mới: Nhà trường thực hiện phổ biến các nội dung công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu về nội dung công khai cho cha mẹ học sinh vào tháng đầu tiên của năm học mới;

3. Các hình thức công khai khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 6. Thời gian công khai

1. Thời điểm công khai:

a) Công bố công khai các nội dung công khai trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức.

b) Công bố báo cáo thường niên của năm trước liền kề trước ngày 30 tháng 6 hàng năm. Đối với số liệu liên quan đến báo cáo tài chính năm trước thì cập nhật tính đến hết thời gian quyết toán của cơ quan có thẩm quyền.

2. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử tối thiểu là 05 năm kể từ ngày công bố công khai.

3. Thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của nhà trường

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện

các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

2. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai và xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công khai trong việc thực hiện tổng kết, đánh giá công tác năm học và phương hướng, nhiệm vụ năm học tiếp theo.

3. Báo cáo về công tác công khai khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (để b/c);
- Chi ủy chi bộ, HĐT (để b/c);
- CB, GV, NV trường (để t/h);
- Website trường (để công khai);
- Lưu: Hồ sơ QCDC, VT.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Xuân Hưng